Panasonic

Hướng dẫn
Vận hành & Lắp đặt

Máy giặt (Dùng cho gia đình)

Số model NA-164JF1

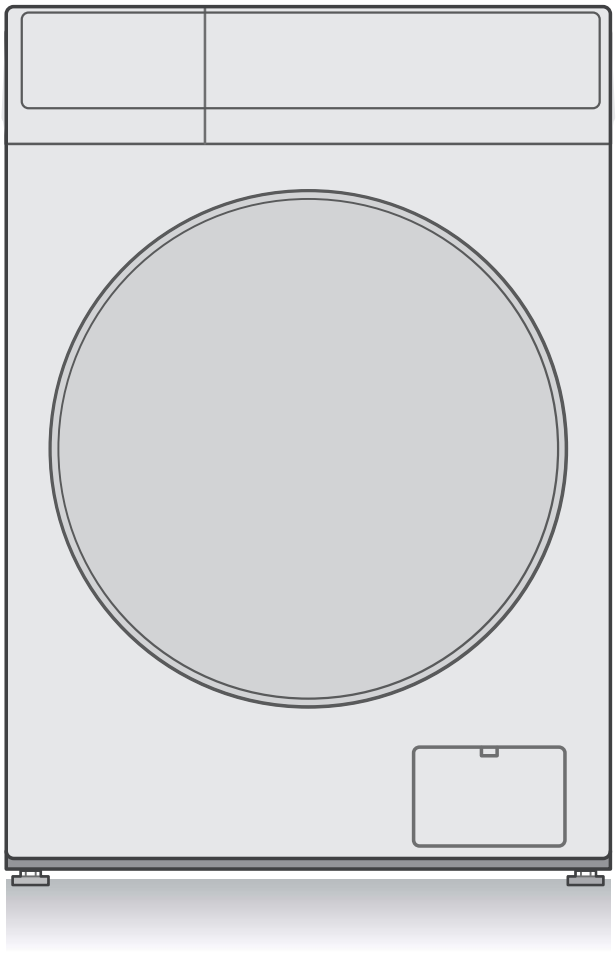

Cần đọc những hướng dẫn này.

VN

Nội dung

	Lưu ý về an toàn	2
	Kiểm tra máy giặt	6
	Trước khi giặt	7
	Bảng điều khiển	9
	Bột giặt	11
	Giặt	13
	Danh sách chương trình	15
	Chi tiết chương trình	17
	Mẹo giặt đồ	18
	Thay đổi cài đặt chương trình	19
	Thay đổi cài đặt thiết bị	22
	Bảo dưỡng	23
	Xử lý sự cố	26
	Hiển thị lỗi	32
Lắp đặt	Chọn vị trí phù hợp	34
Lắp đặt	Di chuyển và Lắp đặt	35
Lắp đặt	Nối đường ống	37
Lắp đặt	Chạy thử	39
	Thông số kỹ thuật	40

Cảm ơn quý khách đã lựa chọn sản phẩm của Panasonic.
- Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm vận hành tối ưu và an toàn.
- Vui lòng giữ và bảo quản sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.
- Sách hướng dẫn này có thể thay đổi về mặt kỹ thuật cho phù hợp hơn mà không cần thông báo trước.

10023201

Lưu ý về An toàn

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm

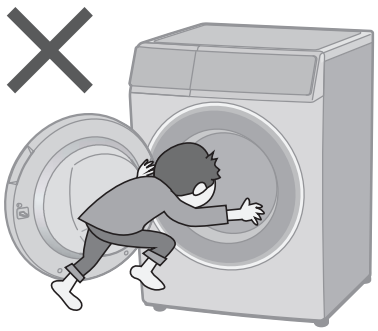

- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được một người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ giám sát hoặc hướng dẫn sử dụng.
- Cần giám sát trẻ nhỏ, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt Khóa An Toàn (Tr. 22)

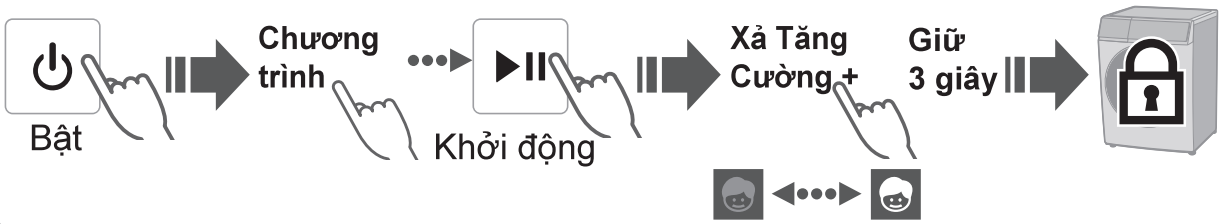

Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

Không chạm khi tay ướt

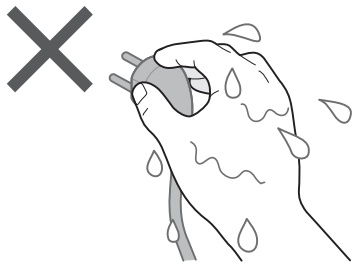

Không cầm hoặc kéo dây nguồn

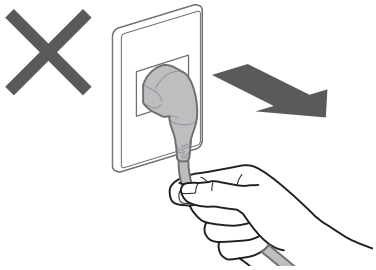

Không sử dụng

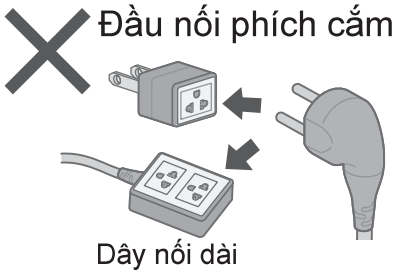

Cắm chặt

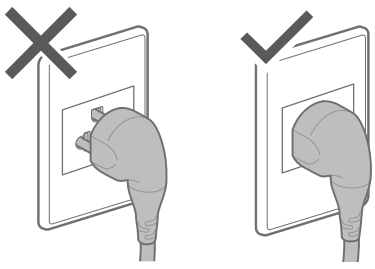

Không sử dụng

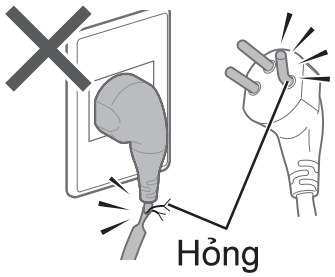

- **Để tránh nguy hiểm, dây nguồn bị hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.**

Trong trường hợp dây nguồn bị lỗi hoặc bị hỏng, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên

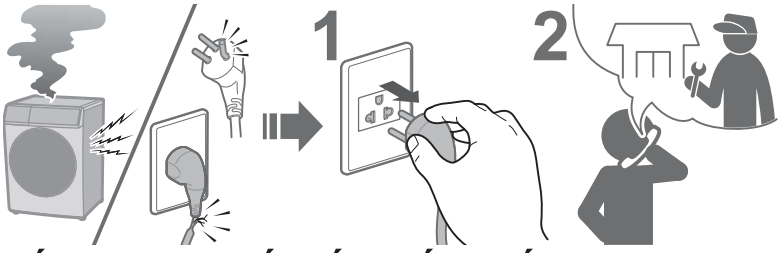

Lắp đặt dây nối đất chắc chắn
Yêu cầu kỹ thuật viên thay ổ cắm mới

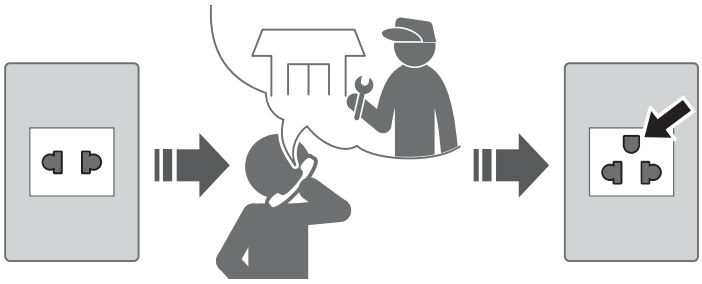

Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này

(Ví dụ)

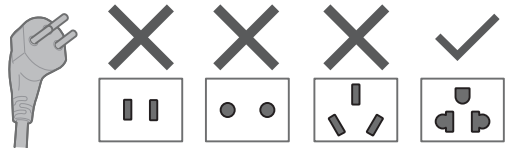

- Hình dạng phích cắm, ổ cắm và yêu cầu về định mức thay đổi tùy theo khu vực.

Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn

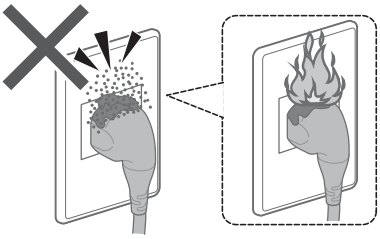

Vệ sinh phích cắm định kỳ



Để các vật liệu dễ cháy cách xa thiết bị

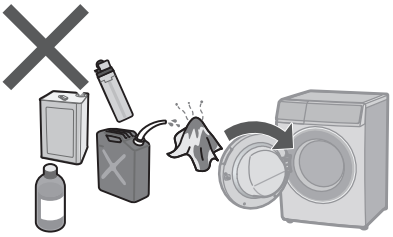

Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc điều chỉnh thiết bị



- Giữ khoảng cách tối thiểu 15 cm tới bộ phận gắn của máy trợ tim.
- Tránh xa thiết bị y tế và thiết bị điều khiển tự động (cửa tự động, thiết bị báo cháy, v.v.).

Lưu ý về An toàn (tiếp)

⚠ CHÚ Ý

Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước

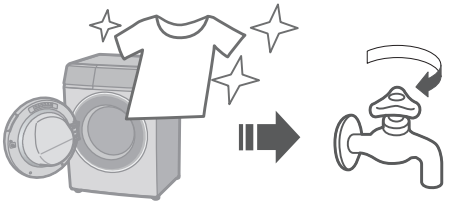

Sử dụng bộ ống nước mới

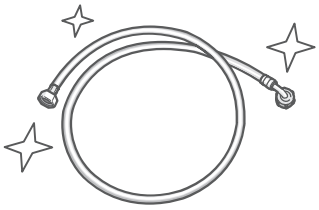

- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

Có thể gây chấn thương

Cẩn thận để tránh bị kẹp ngón tay

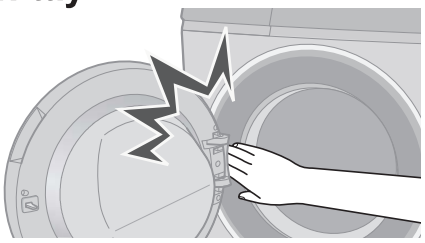

Không leo lên thiết bị

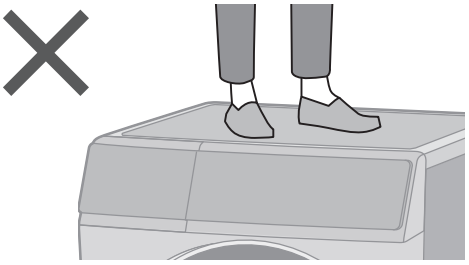

Không chạm khi thiết bị còn nóng

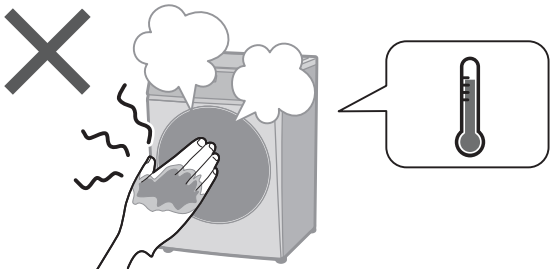

Lắp đặt thiết bị đúng cách

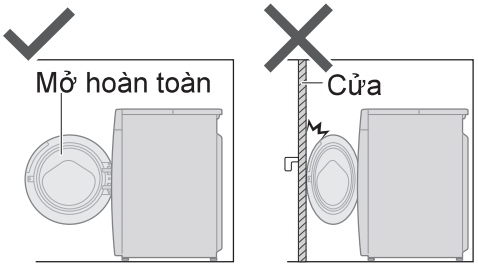

- Không được lắp đặt thiết bị phía sau cửa có khóa, cửa trượt hoặc cửa có bản lề ở phía đối diện với cửa thiết bị, để không làm hạn chế việc mở hoàn toàn cửa thiết bị.

■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 40.

⚠ CHÚ Ý

Có thể gây hỏng hóc

Tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt

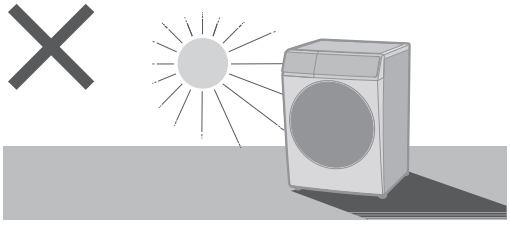

Tháo các bu lông neo bệ máy trước khi vận hành

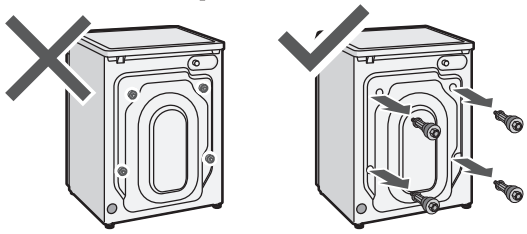

Không gây cản trở hoạt động của thiết bị

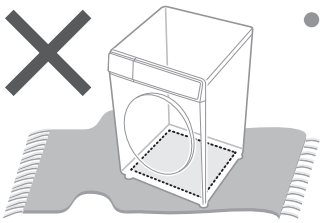

- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v

Không kết nối với nguồn nước nóng

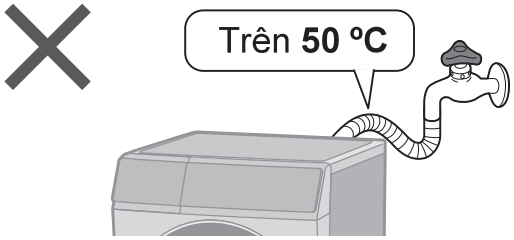

Chỉ sử dụng máy giặt cho những đồ có thể giặt máy

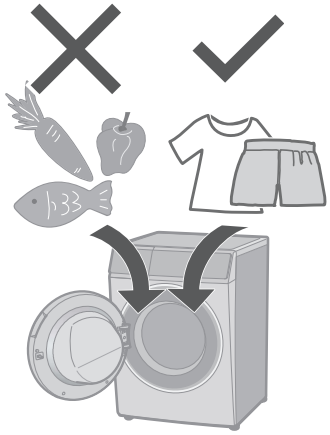

- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không phù hợp để sử dụng trong các trường hợp sau:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - mô hình phục vụ giường ngủ đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các tòa nhà chung cư hoặc tiệm giặt là.

Không giặt quần áo dính quá nhiều dầu mỡ

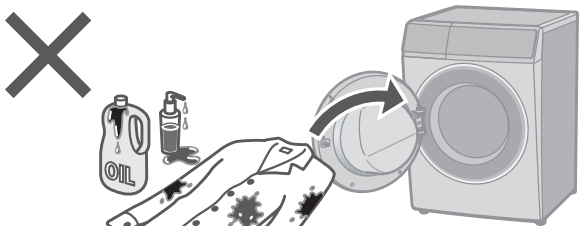

Thực hiện theo hướng dẫn

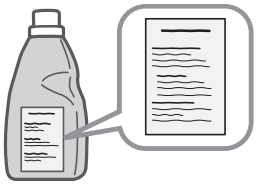

- Nên sử dụng nước xả vải, hoặc các sản phẩm tương tự theo hướng dẫn sử dụng.

Kiểm tra Máy giặt

Tên các bộ phận

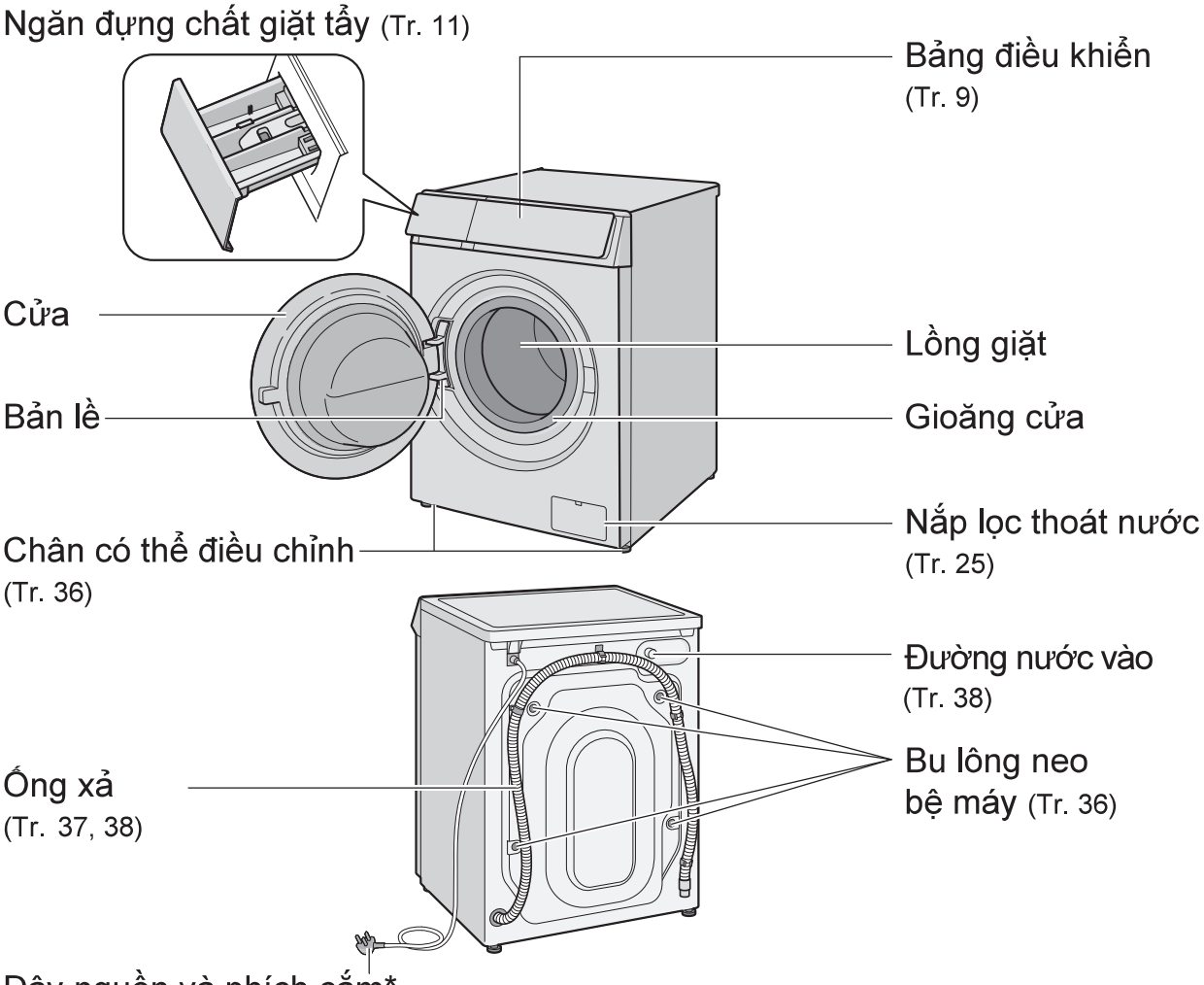

* Hình dạng phích cắm thay đổi tùy theo khu vực.

Phụ kiện

□ Cút nối (1) (Tr. 38)

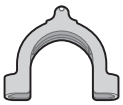

□ Nắp che (4) (Tr. 36)



(dành cho bu lông neo)

□ Nắp che (1) (Tr. 35)

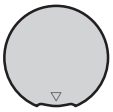

(dành cho phích cắm)

□ Ống cấp nước (1) (Tr. 37, 38)

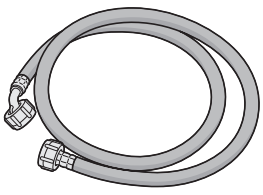

□ Tấm đáy (1) / Vít (4) (Tr. 35)

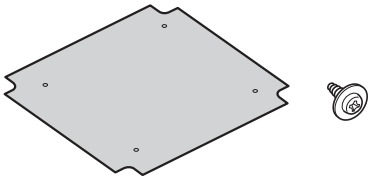

□ Cờ lê (1)

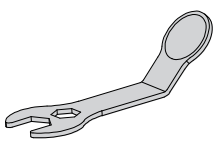

Trước khi giặt

Chuẩn bị giặt

Trước khi cho quần áo vào máy

- Kiểm tra kỹ các vật dụng cá nhân và các vật sắt nhọn còn lẫn trong quần áo.

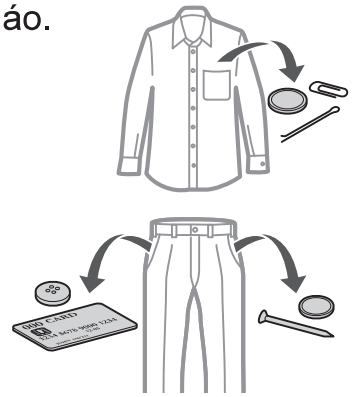

- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.

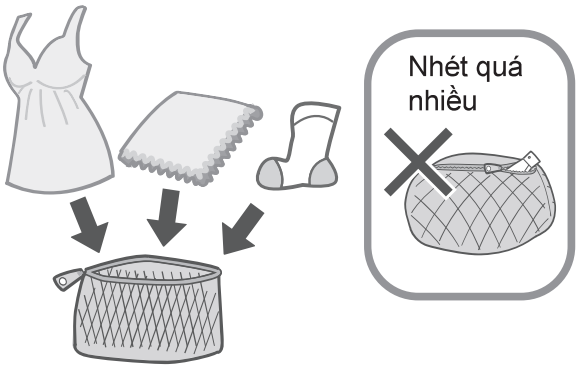

Trước khi giặt (tiếp)

Kiểm tra trước khi giặt

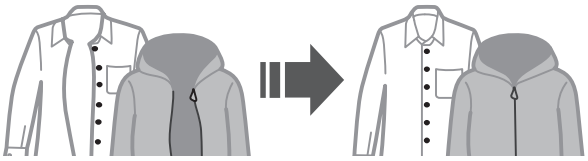



Quần áo có thể bị xoắn

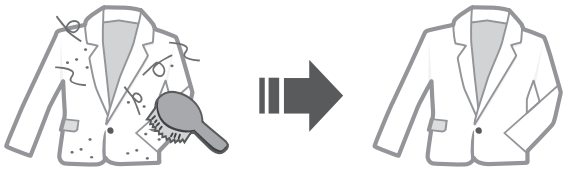

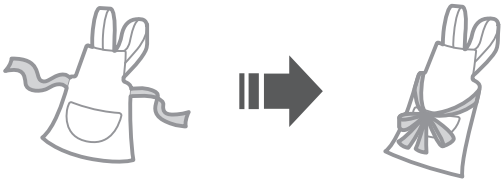

- Giặt riêng

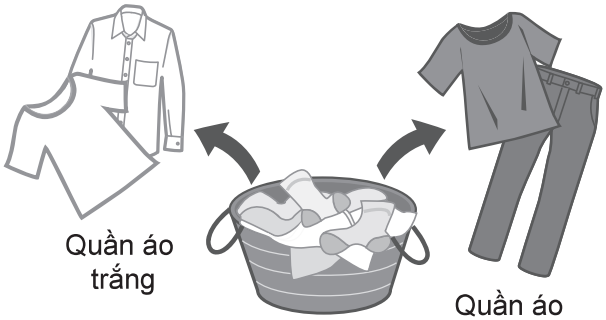

- Xử lý sơ bộ các vết bẩn khó giặt

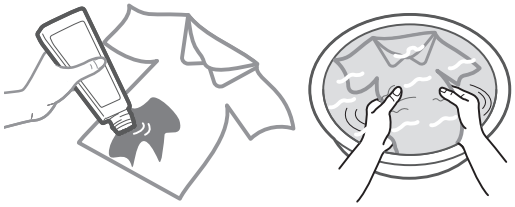

- Xem nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo

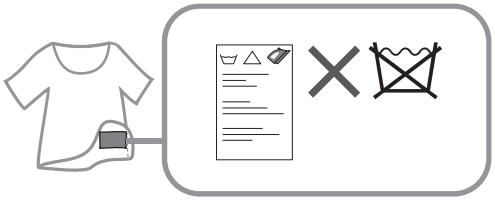

- Quần áo dành cho trẻ nhỏ & làn da nhạy cảm

Bảng điều khiển

• Các hướng dẫn này sử dụng hình ảnh của NA-164JF1, trừ khi có chỉ dẫn khác.

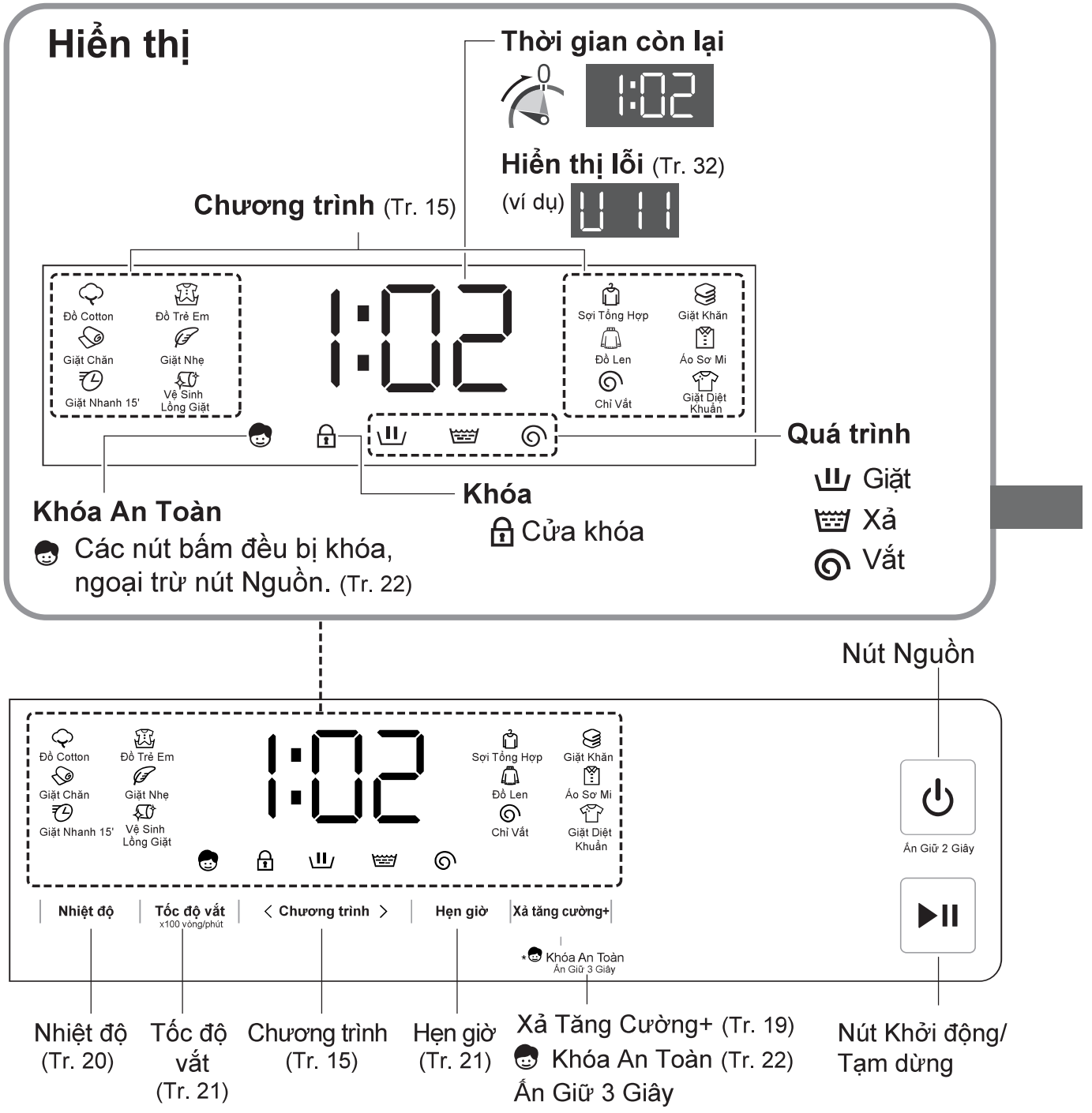

Bảng điều khiển (tiếp)

Thao tác cảm ứng

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy ngay lập tức tắt máy và lau bằng khăn, v.v. (Nguyên nhân sự cố).

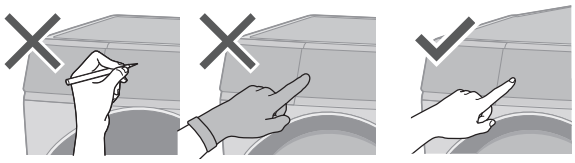

LƯU Ý

- Không vận hành ➠ tắt nguồn tự động



- Trong trường hợp mất điện
  - ➠ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ thời điểm dừng lại. (Tự động khởi động lại)

Bột giặt/Nước giặt • Làm theo hướng dẫn trên bao bì.

Bột giặt/Nước giặt

Sử dụng bột giặt/nước giặt ít bọt.

• Để tránh bột giặt còn sót lại trong ngăn chứa chất giặt tẩy:

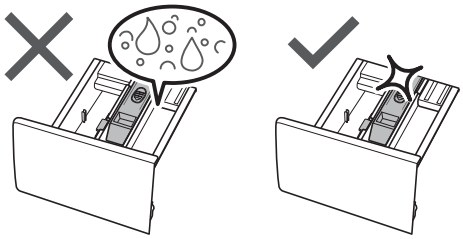

Ướt Khô

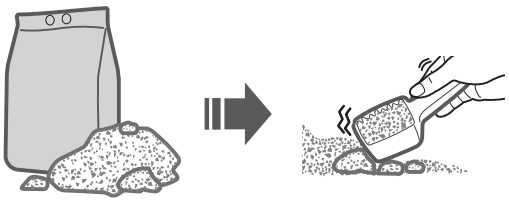

Vón cục Bột

Nước xả vải

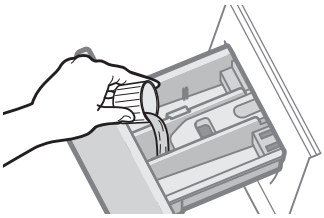

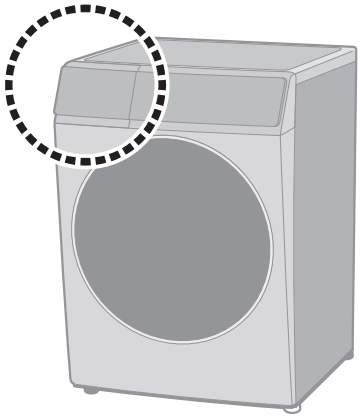

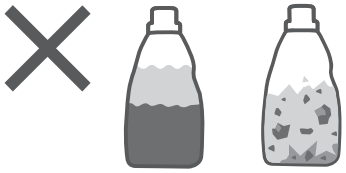

Nước xả bị tách lớp hoặc đông đặc

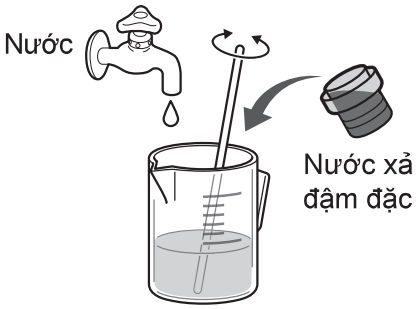

LƯU Ý

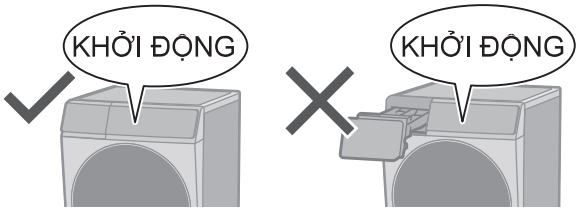

Bột giặt/Nước giặt (tiếp)

Giặt thường

Bột giặt

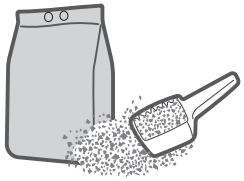

Nước giặt



Chất tẩy





Chất tẩy axit mạnh

Nước giặt

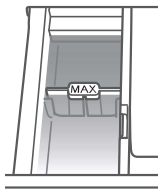

Khi sử dụng nước giặt, hãy đặt tấm phụ kiện nước giặt vào ngăn giặt thường, sau đó đổ nước giặt vào ngăn hộp chứa nhỏ phía trên tấm phụ kiện nước giặt.

Bột giặt

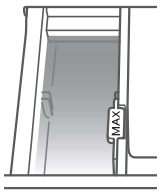

Khi sử dụng bột giặt, hãy tháo tấm phụ kiện nước giặt và đặt lại vị trí ban đầu.

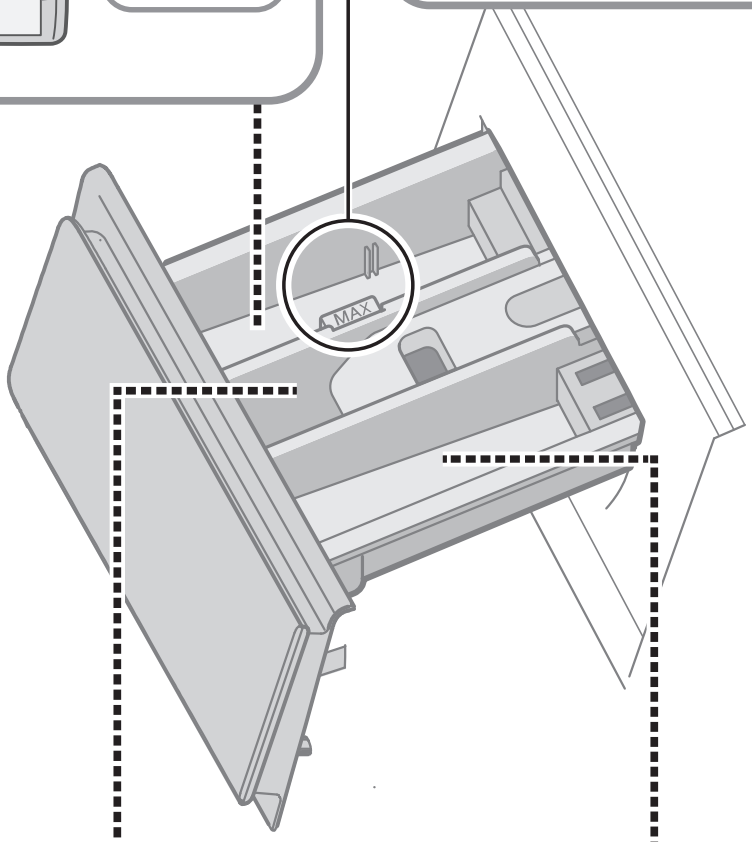

Nước xả

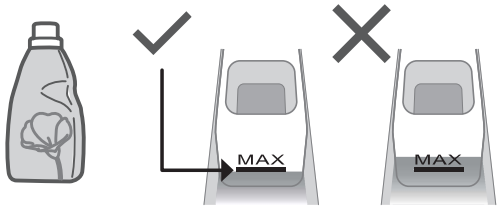

Giặt sơ

Giặt sơ chỉ áp dụng cho chế độ giặt “Đồ trẻ em”. Hãy cho bột giặt hoặc nước giặt vào ngăn giặt sơ này khi chọn chế độ giặt “Đồ trẻ em”. Quần áo sẽ được giặt hai lần.
Đầu tiên, chất giặt tẩy trong ngăn giặt sơ có thể giặt sạch một phần bụi bẩn trên quần áo, sau đó chất giặt tẩy trong ngăn giặt thường có thể giặt quần áo sạch hơn.

Giặt Phương pháp cơ bản

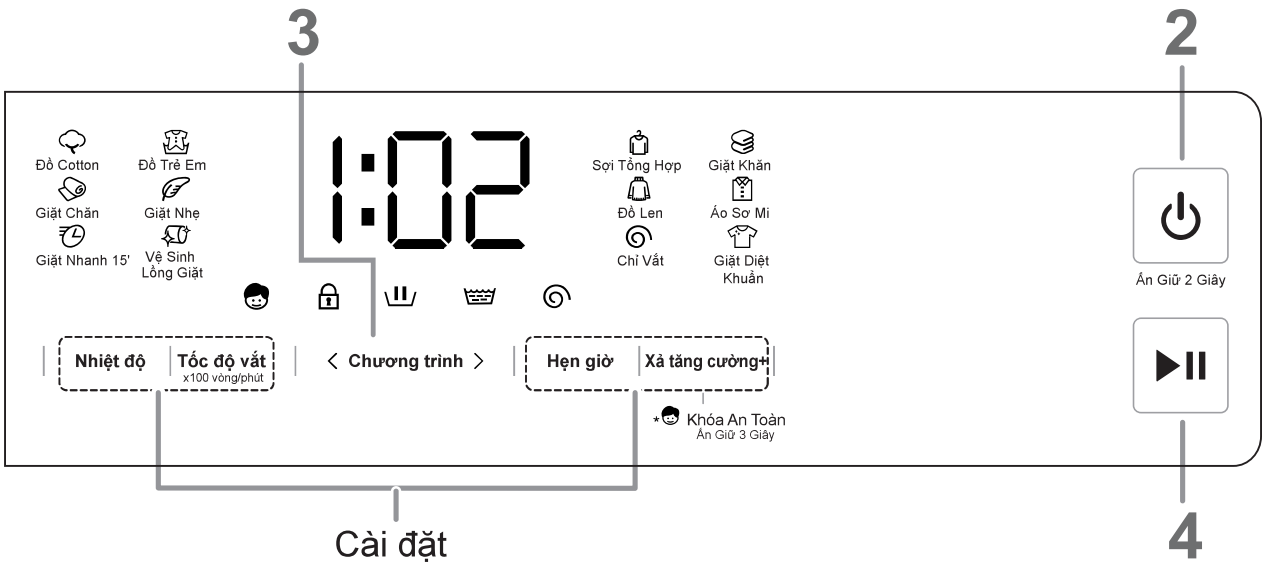

LƯU Ý

■ **Không để đồ giặt bị kẹt vào cửa.**

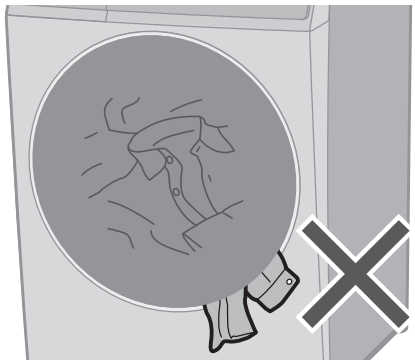

■ **Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.**

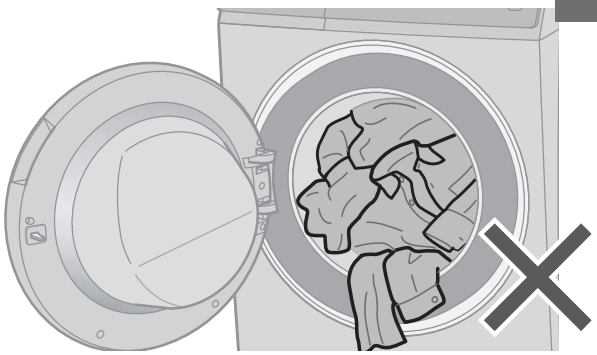

LƯU Ý

- Không mở cửa được ➠ (Tr. 27)



Giặt (tiếp)

1

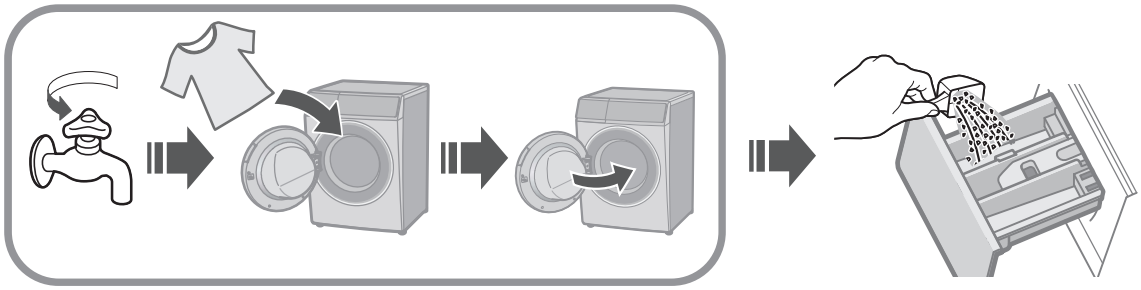

2

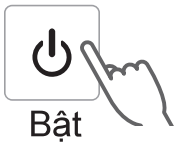

Bật

3

| < Chương trình > |

Chọn chương trình. (Tr. 15)

■ **Thay đổi cài đặt.**



(ví dụ)

Hiển thị thời gian cần thiết (đã tính toán lại)

Cài đặt

Nhiệt độ (Tr. 20)	Tốc độ vắt x100 vòng/phút (Tr. 21)
Hẹn giờ (Tr. 21)	Xả tăng cường+ (Tr. 19)

4



Khởi động

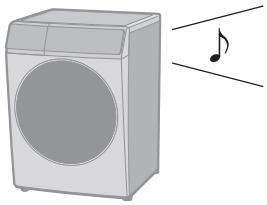

5

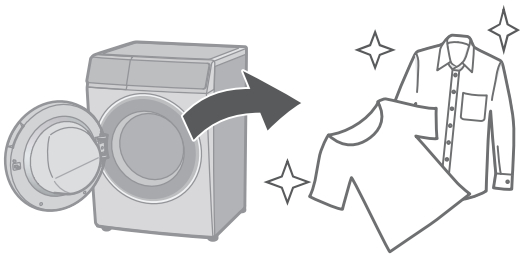

Danh sách chương trình

GIẶT

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)	Thời gian mặc định
Đồ Cotton	• Quần áo hàng ngày (Cotton và linen) 	8,0	1:22
Đồ Trẻ Em	• Quần áo dành cho trẻ nhỏ & làn da nhạy cảm. Cần xả kỹ 	5,0	2:17
Giặt Chăn	• Các đồ giặt lớn 	5,0	1:46
Giặt Nhẹ	• Vải vóc có chất liệu dễ hư hại 	3,0	0:59
Giặt Nhanh 15 phút	• Lượng đồ giặt nhỏ và vết bẩn ít 	2,0	0:15
Vệ Sinh Lồng Giặt	• Vệ sinh lồng giặt 	Không	1:22

Danh sách chương trình (tiếp)

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)	Thời gian mặc định
Sợi Tổng Hợp	• Sợi hóa học, nylon hoặc loại vải tương tự khác 	5,0	1:17
Giặt Khăn	• Khăn cotton, khăn tắm, v.v 	4,0	1:47
Đồ Len	• Quần áo len có thể giặt bằng máy 	1,0	0:56
Áo Sơ Mi	• Áo sơ mi, áo kiểu nữ và quần áo khác 	3,0	1:28
Chỉ Vắt	• Chỉ vắt 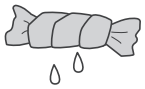	8,0	0:09
Giặt Diệt Khuẩn	• Loại bỏ vết bẩn và khử trùng 	2,4	2:22

Chi tiết chương trình

Cài đặt / Chương trình	Cài đặt tự động		Phạm vi cài đặt		Tính năng tùy chọn	
	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (v/phút)	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (v/phút)	Hẹn giờ	Xả tăng cường+
Đồ Cotton	40	1000	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
Đồ Trẻ Em	60	800	Lạnh, 20, 40, 60, 90	0, 600, 800, 1000	✓	✓
Giặt Chăn	40	800	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
Giặt Nhẹ	20	800	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800	✓	✓
Giặt Nhanh 15 phút	Lạnh	800	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800	✓	✓
Vệ Sinh Lồng Giặt	90	800	60, 90	800	✓	✓
Sợi Tổng Hợp	40	800	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
Giặt Khăn	60	1000	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
Đồ Len	Lạnh	600	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800	✓	✓
Áo Sơ Mi	20	1000	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800, 1000	✓	✓
Chỉ Vắt	–	1000	–	0, 600, 800,1 000	✓	–
Giặt Diệt Khuẩn	60	1000	60, 90	0, 600, 800, 1000	✓	✓

LƯU Ý

- Đối với đồ giặt thông thường ở công suất định mức, chúng tôi khuyến nghị sử dụng chương trình “Đồ Cotton, 40°C, 1000 vòng/phút, XẢ TĂNG CƯỜNG+, 2” đã được thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 60456 về tiết kiệm năng lượng và nước.
- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng đồ giặt, mức độ bẩn, bột giặt được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.
- Quy trình giặt sơ chỉ áp dụng cho chế độ giặt “Đồ trẻ em”.

Mẹo giặt đồ

Giặt Chăn

■ Các đồ giặt được

- 30 40 (Giặt)
- (Giặt tay)
- 100% cotton hoặc 100% sợi tổng hợp

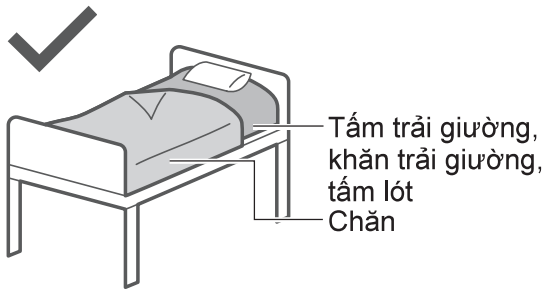

■ Các đồ không giặt được

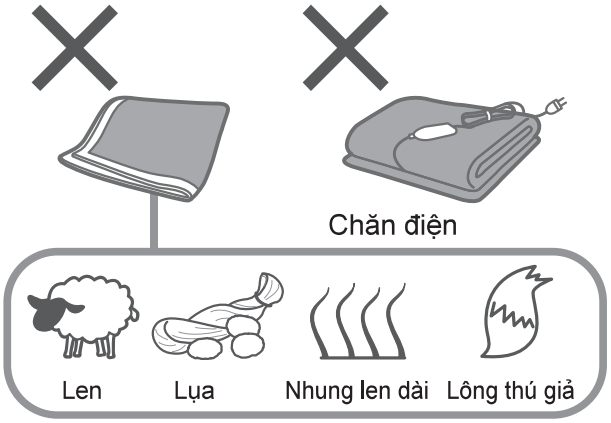

LƯU Ý

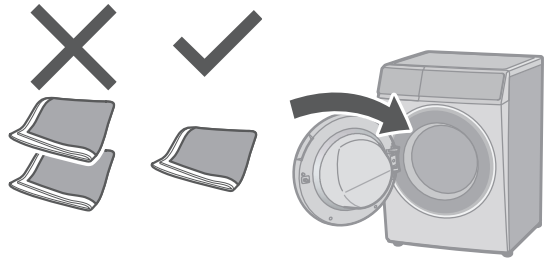

■ Cho chăn mền vào lồng giặt

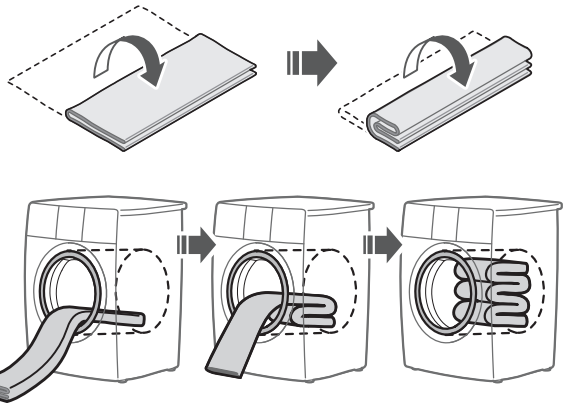

LƯU Ý

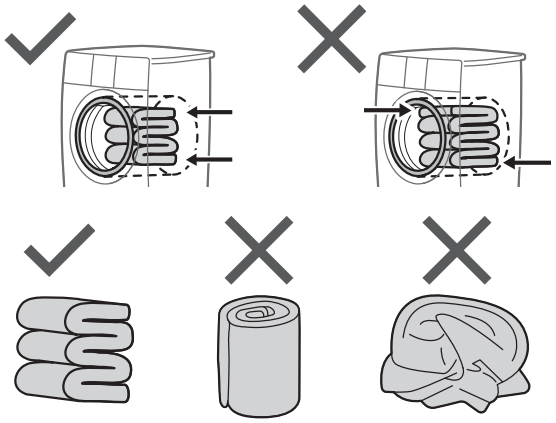

Giặt Nhẹ

■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả tăng cường+”. (Tr. 19)

LƯU Ý

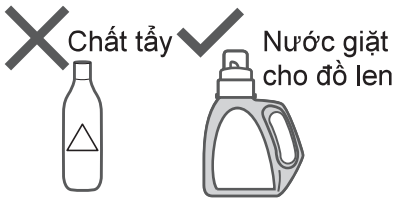

■ Sau khi vận hành kết thúc

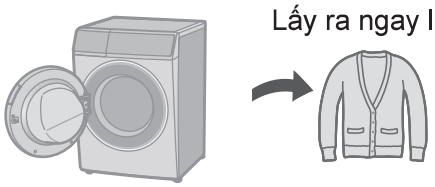

Thay đổi cài đặt chương trình

■ Chuẩn bị

- Phân loại đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm bột giặt/nước giặt. (Tr. 11)

1



Bật

2 Chọn chương trình. (Tr. 15)

| 〈Chương trình〉 |

3 **Thay đổi cài đặt chương trình**



- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy theo chương trình (Tr. 17)
- Một âm báo sẽ vang lên nếu bạn chọn một tùy chọn không thể sử dụng được

4



Khởi động

Xả tăng cường+

Thêm một lần xả.

3 | Xả Tăng Cường+ |



■ Để thay đổi cài đặt chương trình khi đang giặt

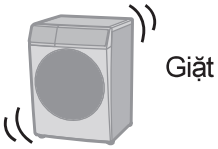

Giặt

1



Tạm dừng

2 | Xả Tăng Cường+ |



3



Khởi động

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Phân loại đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm bột giặt/nước giặt. (Tr. 11)

1



Bật

2 Chọn chương trình. (Tr. 15)

| 〈 **Chương trình** 〉 |

3 **Thay đổi cài đặt chương trình**

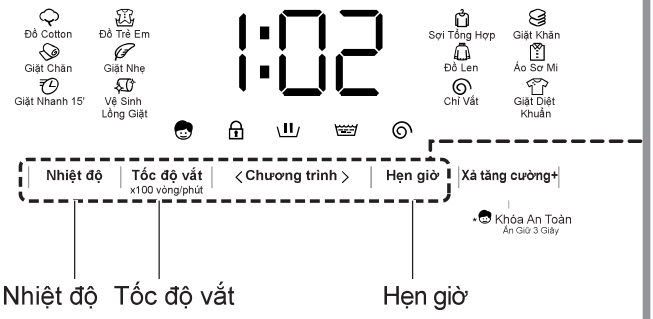

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy theo chương trình (Tr. 17)
- Một âm báo sẽ vang lên nếu bạn chọn một tùy chọn không thể sử dụng được

4



Khởi động

Nhiệt độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



Thấp Cao

■ Hướng dẫn cài đặt

Thấp	Cao
● Đồ màu 	● Đồ trắng 
● Bẩn nhẹ 	● Bẩn nhiều 
● Dễ co rút	● Đồ cotton

3 | **Nhiệt độ** | (Tr. 20)



Vắt

Thay đổi tốc độ vắt.

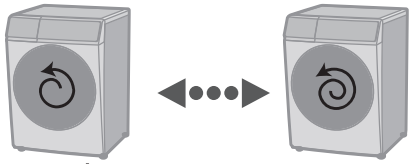

■ Hướng dẫn cài đặt

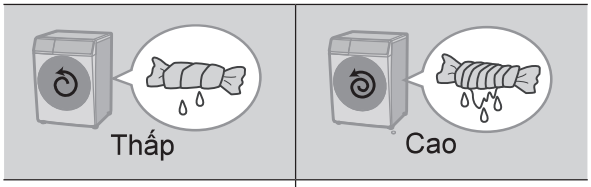

● Để giảm nhăn	● Để vắt khô hơn

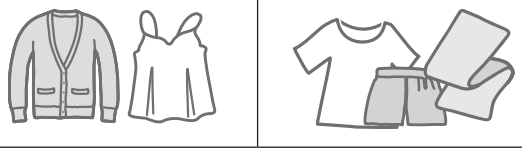

3 | **Tốc độ vắt** x100 vòng/phút | (Tr. 17)



■ Để thay đổi cài đặt chương trình khi đang giặt

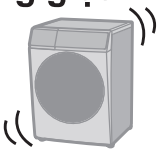

1 
Tạm dừng

2 | **Tốc độ vắt** x100 vòng/phút 

3 
Khởi động

Hẹn giờ

Thiết lập máy sẽ bắt đầu vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)

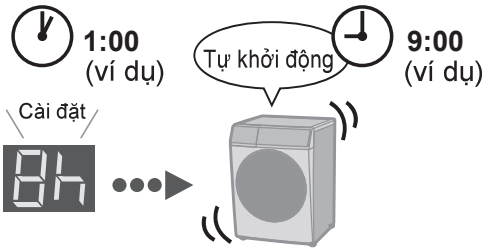

3 | **Hẹn giờ**   (ví dụ)

■ Để kiểm tra thời gian hẹn giờ


Tạm dừng

■ Để hủy cài đặt


(Tất cả cài đặt bị hủy)

Tắt

LƯU Ý


(ví dụ)

Khởi động

▶ Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ 

● Không khả dụng: Tr. 17

Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa An Toàn

Khóa tất cả, ngoại trừ nút Nguồn.

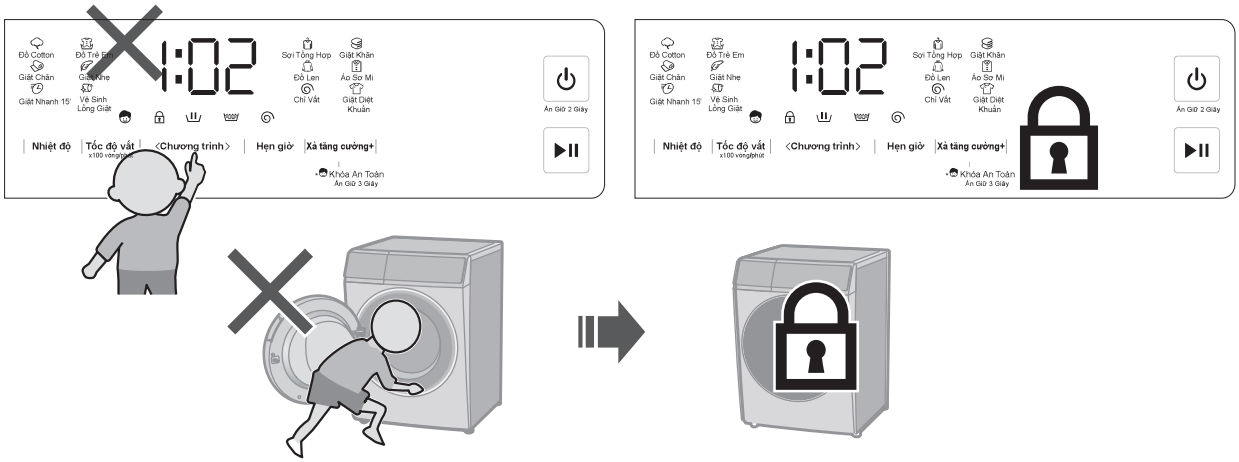

1

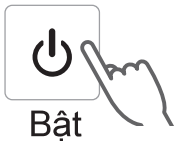

Bật

2

< Chương trình >



Chọn



Khởi động

3

Xả Tăng Cường+



Giữ 3 giây

* **Khóa An Toàn**
Ấn Giữ 3 Giây

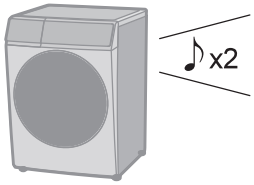

■ Để hủy:

Quy trình tương tự ♪x2

LƯU Ý

- Chức năng Khóa An Toàn không bị vô hiệu ngay cả khi đã tắt nguồn.

Bảo Dưỡng

Lọc ống cấp nước

Nếu nước chảy không đều hoặc nếu xuất hiện thông báo lỗi U 14

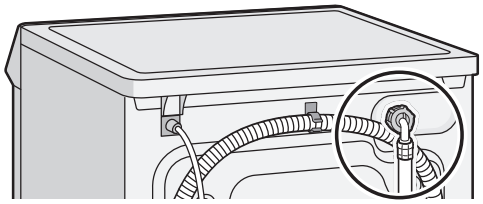

1

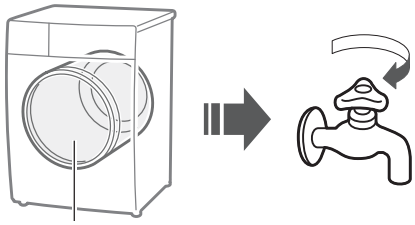

2

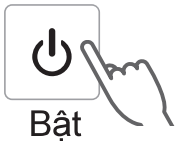

3

< Chương trình >

Chọn "Đồ Cotton"

4



5

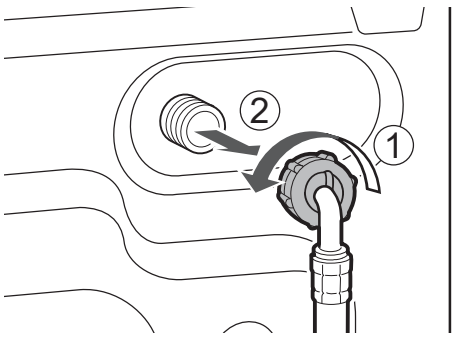

6

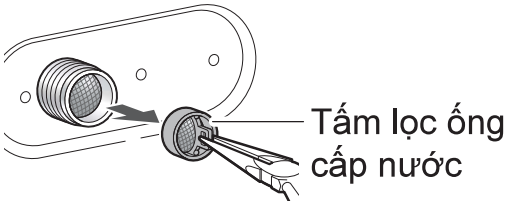

7

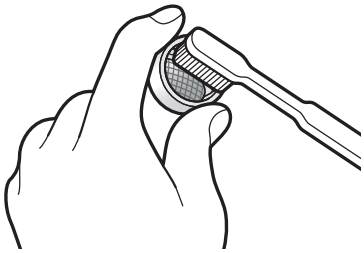

8

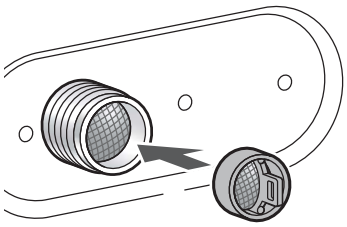

9

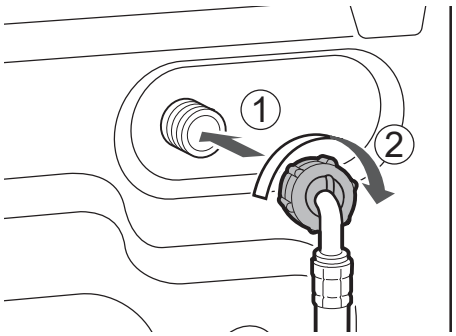

Bảo dưỡng (tiếp)

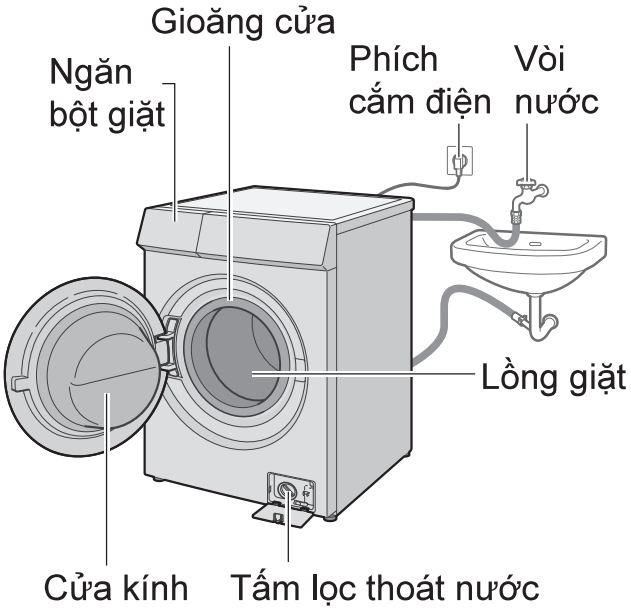

Thiết bị

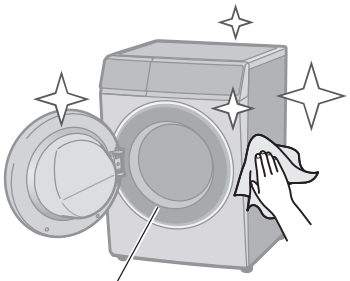

Gioăng cửa

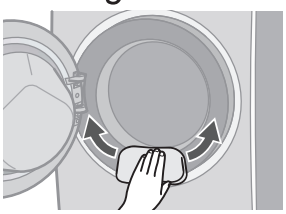

Bẩn nhiều



LƯU Ý



- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

Ngăn chất giặt tẩy

1

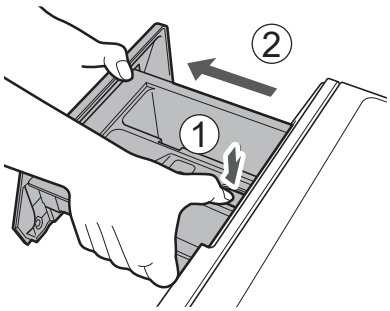

2

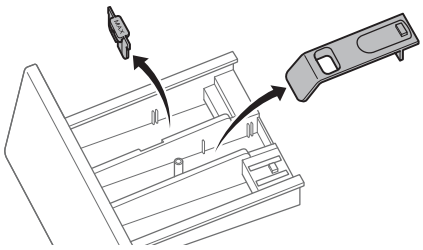

3

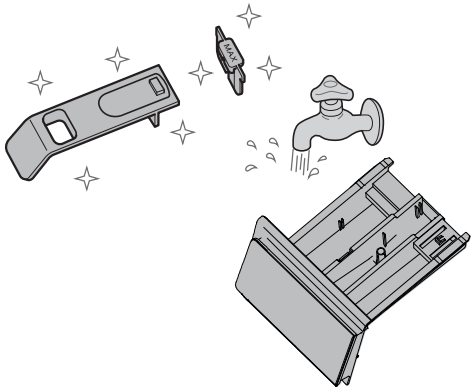

4

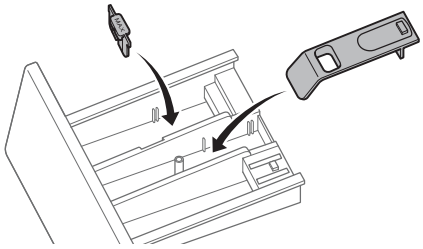

5

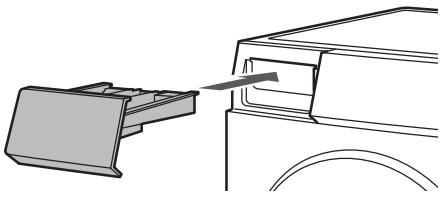

Lồng giặt

Mỗi tháng một lần
<Vệ Sinh Lồng Giặt>

1



2



3

< **Chương trình** >

Chọn "Vệ Sinh Lồng Giặt"

4

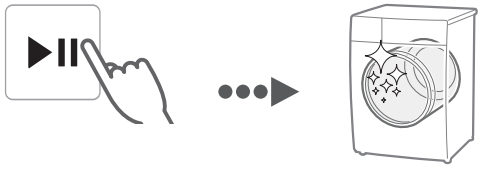

Tấm lọc thoát nước

Mỗi tháng một lần hoặc nếu xuất hiện thông báo lỗi U 1 1

Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước khi thực hiện quy trình này

⚠ CHÚ Ý

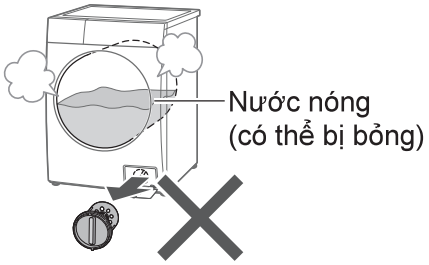

1

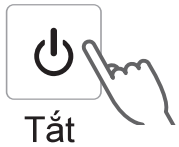

2

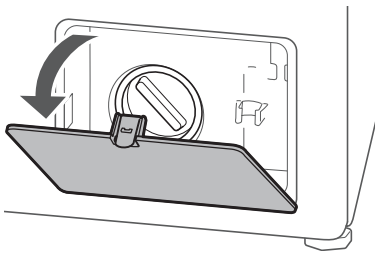

3

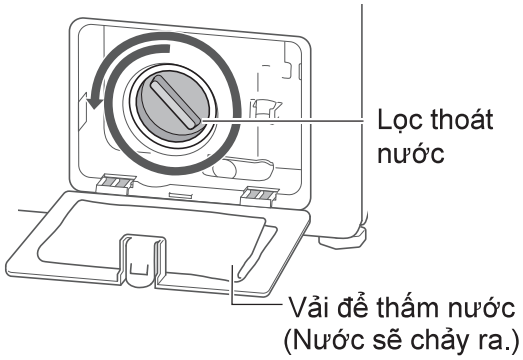

4

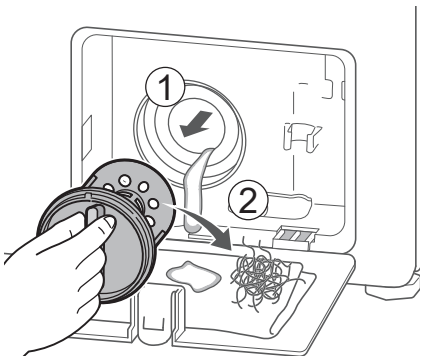

5 **Thay thế**

1

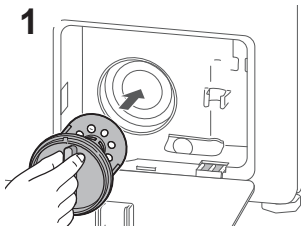

2 Cho đến khi vào đúng vị trí

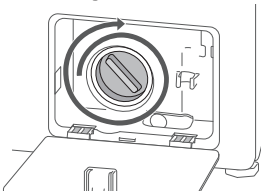

3

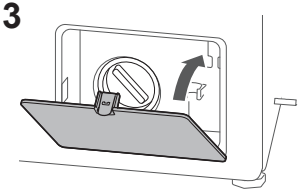

Xử Lý Sự Cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Chạm các nút  Không có phản ứng 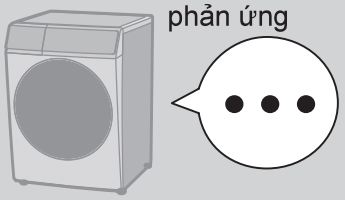	□ Nguyên nhân có thể do ● Trong khi vận hành ● Khóa An Toàn đang bật 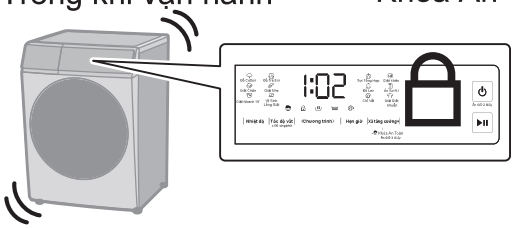 □ Thử ● Khóa An Toàn (Tr. 22)  (Tắt)
	Không vận hành 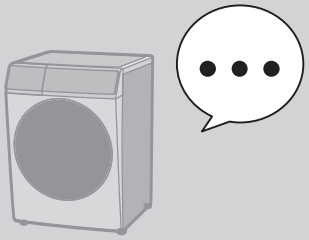	□ Kiểm tra ● Mất điện ● Hẹn giờ  □ Thử ● Đóng cửa ● Mở nước ● Rút phích cắm và cắm lại 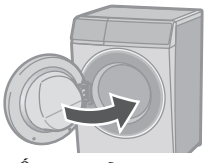  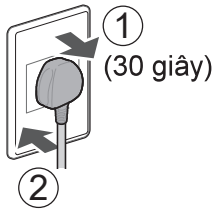 ● Ấn "Khởi động" ● Bật cầu dao  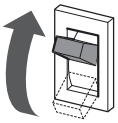
	Mùi cao su 	□ Nguyên nhân có thể do 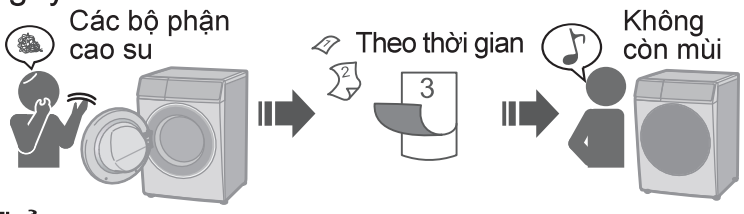 Các bộ phận cao su Theo thời gian Không còn mùi □ Thử "Vệ Sinh Lồng Giặt" (Tr. 25)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	**Không mở cửa được** 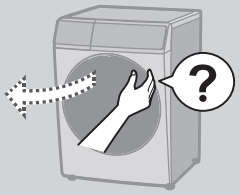	□ Nguyên nhân có thể do ● Trong khi vận hành (Giặt)  □ Kiểm tra ● Nhiệt độ 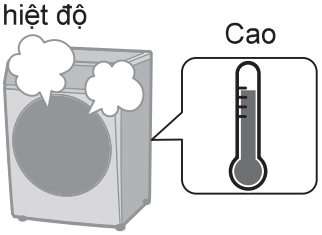 ● Mực nước 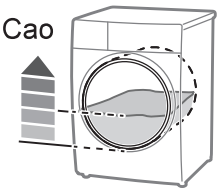 LƯU Ý 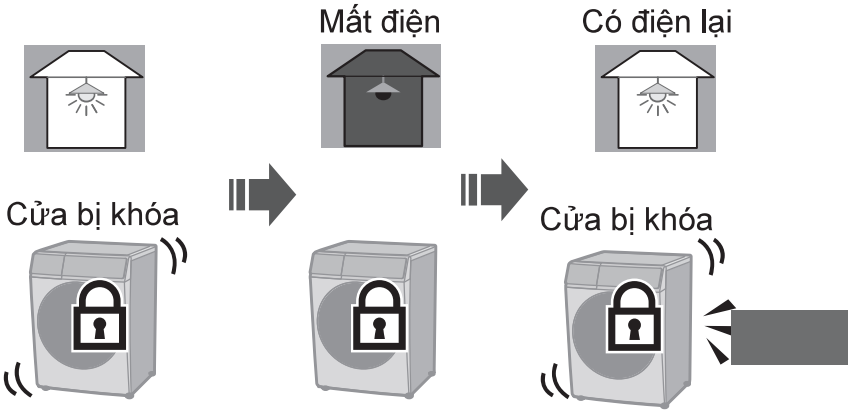
Giặt	Trong khi giặt 	□ Nguyên nhân có thể do 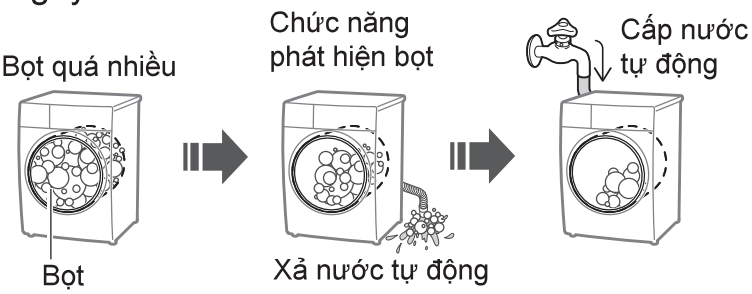

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Bột giặt và bọt	**Sau khi giặt** 	□ Kiểm tra 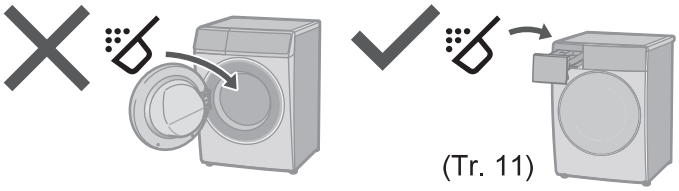
	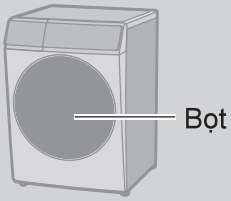	□ Nguyên nhân có thể do ● Lượng bọt thay đổi dựa theo: ● Nhiệt độ ● Mực nước ● Độ mềm của nước 
	Không đủ 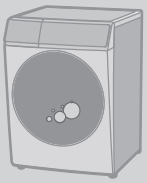	□ Kiểm tra ● Bột giặt ● Đổ vào ngăn chất giặt tẩy 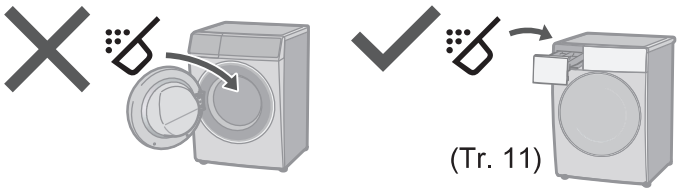 ● Quá ít chất giặt tẩy ● Bột giặt ít bọt ● Bẩn nhiều ● Tải quá lớn 
	Quá nhiều 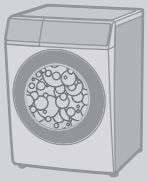	□ Kiểm tra ● Quá nhiều bột giặt/nước giặt 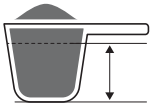

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Xả/Vắt	Trong quá trình vắt 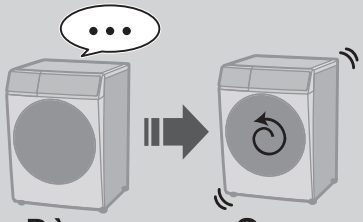 	□ Nguyên nhân có thể do 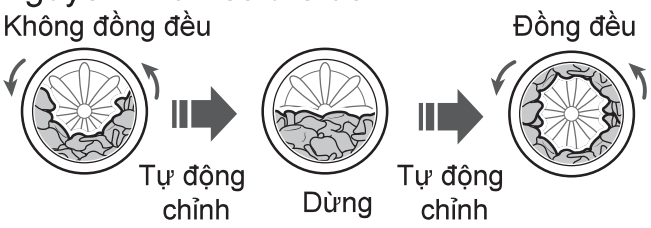 □ Thử 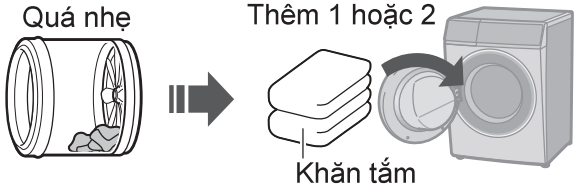
	Sau khi giặt 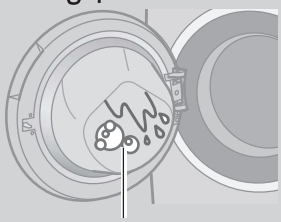 **Đọng bọt hoặc nước**	□ Thử 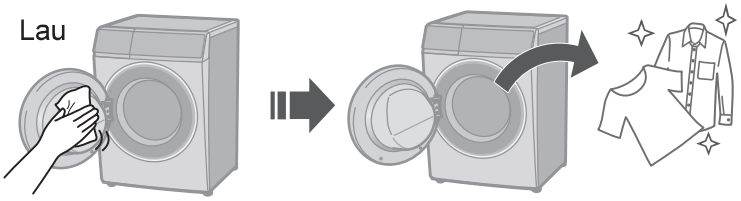
	Vắt thay đổi sang Xả  	□ Nguyên nhân có thể do • Nếu quần áo phân bổ không đều trong lồng giặt, thiết bị sẽ tự động cân chỉnh lại bằng quy trình xả 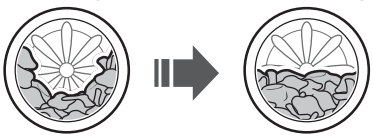

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	**Trong khi giặt** Thời gian hiển thị  Thay đổi	□ Nguyên nhân có thể do ● Thời gian hiển thị còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành 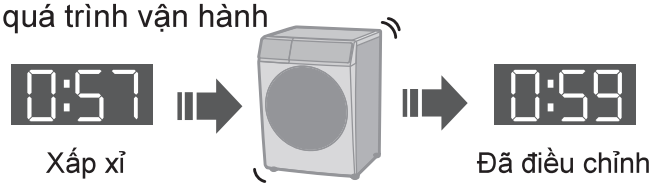 ● Nếu cài đặt thay đổi  ➡ Thời gian còn lại có thể tăng lên. ● Nếu quần áo phân bổ không đều 
	Thời gian còn lại Không giảm  **hoặc** Giảm đột ngột  	□ Nguyên nhân có thể do Có sự sai lệch về khối lượng đồ giặt, thời gian cấp nước và thời gian cân bằng.
Tiếng ồn	**Trong khi xả nước** 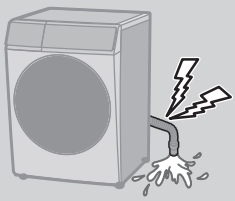	□ Nguyên nhân có thể do ● Điều này là bình thường Bơm thoát nước đang hoạt động.
	Tiếng quạt quay 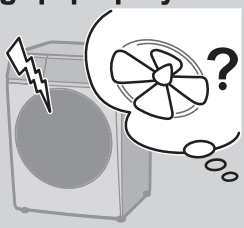 	□ Nguyên nhân có thể do ● Điều này là bình thường Bơm thoát nước đang hoạt động.

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Tiếng ồn	**Tiếng ồn bất thường (hoặc rung)** 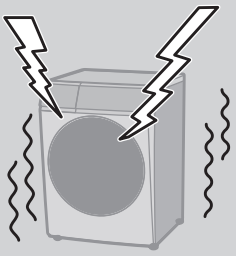	□ Kiểm tra ● Các vật kim loại 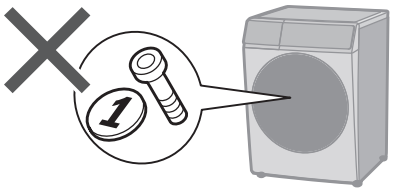 ● Bu lông neo bệ máy (Tr. 36) 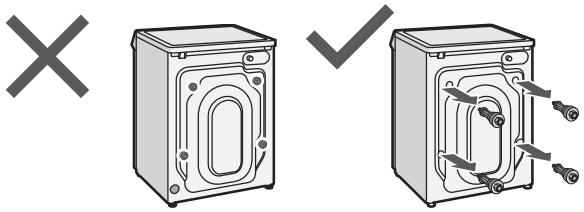 ● Dốc hoặc bề mặt không ổn định 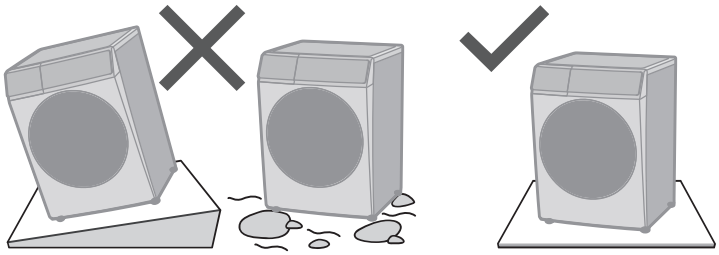 ● Điều chỉnh 4 chân (Tr. 36) 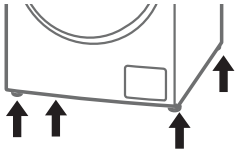 ● Va chạm 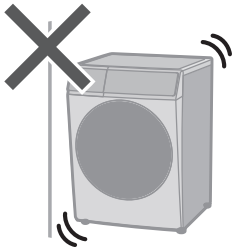 ● Quần áo phân bổ không đều 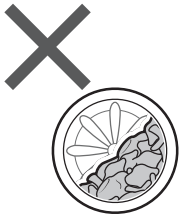
Khác	Mất điện  Cầu dao 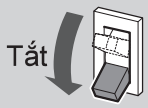	□ Kiểm tra ● Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ thời điểm đã dừng 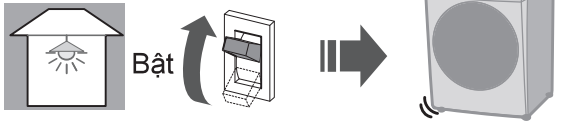

Hiển thị lỗi

Mã lỗi	Mô tả mã lỗi	Các điểm cần kiểm tra
U 14	**Không thể cấp nước**	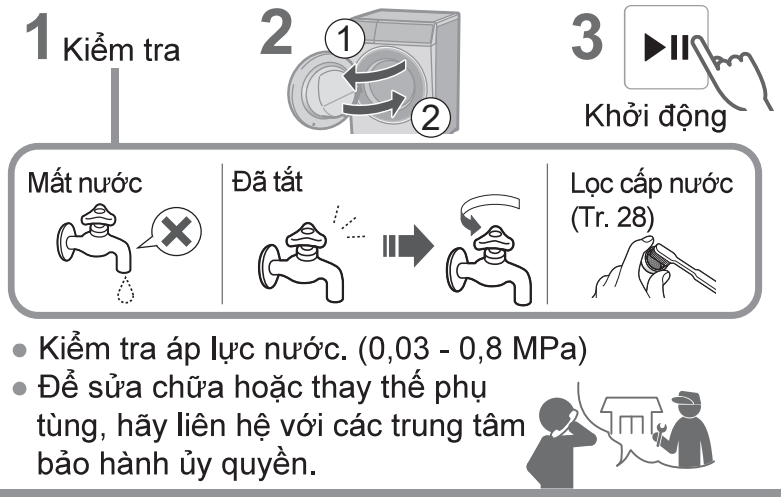 ● Kiểm tra áp lực nước. (0,03 - 0,8 MPa) ● Để sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng, hãy liên hệ với các trung tâm bảo hành ủy quyền.
U 11	**Không thể xả nước**	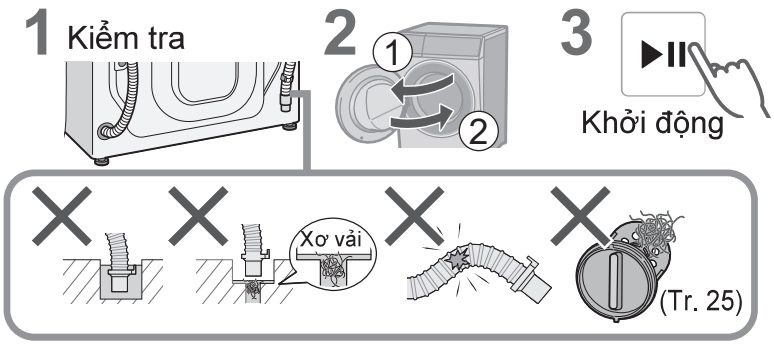 ● Kiểm tra xem ống xả đã được lắp đúng cách chưa (Tr. 38) ● Để sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng, hãy liên hệ với các trung tâm bảo hành ủy quyền
U 13	**Không thể vắt**	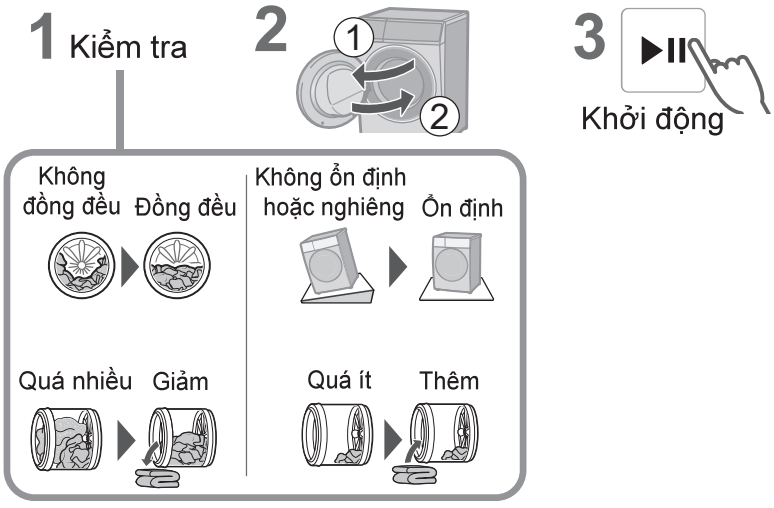

Hiển thị lỗi (tiếp)

<table>
<tr><th>Mã lỗi</th><th>Mô tả mã lỗi</th><th>Các điểm cần kiểm tra</th></tr>
<tr><td>U 12</td><td>Cửa đang mở</td><td>1 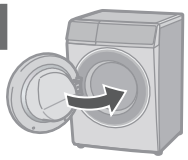 2 
Khởi động
● Để sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng, hãy liên hệ với các trung tâm bảo hành ủy quyền </td></tr>
<tr><td>H01</td><td>Cảnh báo nước tràn</td><td rowspan="4">1  2 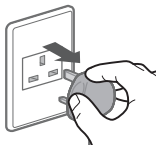 3 
Liên hệ trung tâm bảo hành ủy quyền</td></tr>
<tr><td>H 14</td><td>Lỗi bo mạch điện tử</td></tr>
<tr><td>H09</td><td>Lỗi kết nối giữa bo mạch điện tử và động cơ dẫn động</td></tr>
<tr><td>H 17</td><td>Lỗi cảm biến nhiệt độ</td></tr>
</table>

Chọn vị trí phù hợp



Hãy yêu cầu nhân viên dịch vụ thực hiện lắp đặt.

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Cần tuân thủ phương pháp lắp đặt trong tài liệu này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm

(mm)

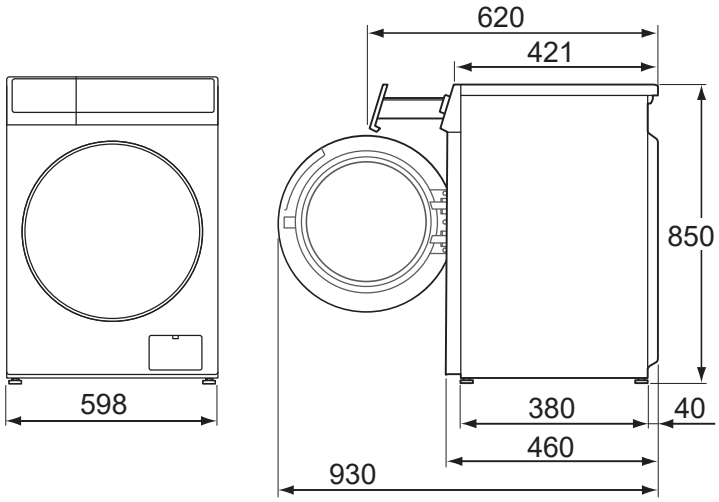

■ Chuẩn bị lắp đặt

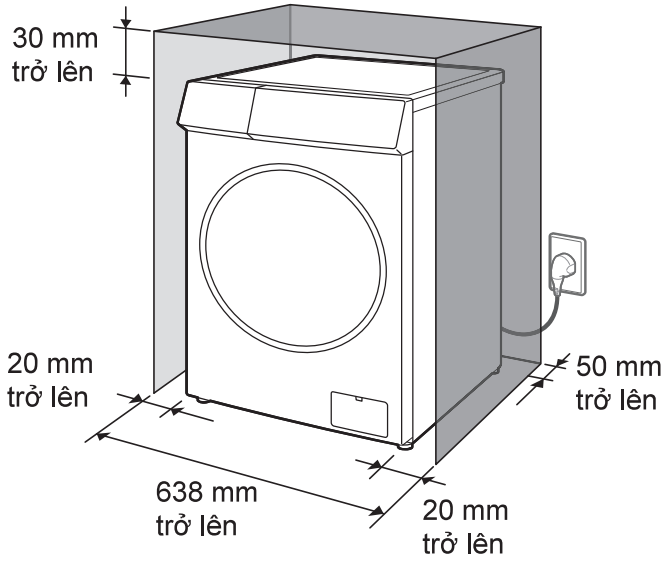

- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

Kiểm tra vị trí

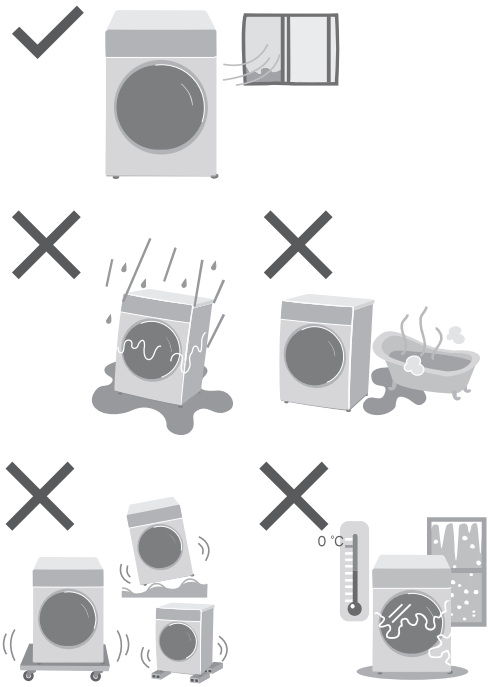

LƯU Ý

Có thể gây ra sự cố

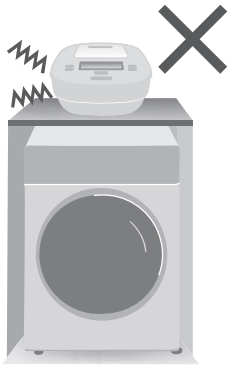

Không lắp đặt thiết bị gần các thiết bị phát ra sóng điện từ, ví dụ như nồi cơm điện IH.

Di chuyển và Lắp đặt

Vận chuyển thiết bị

Không thực hiện một mình

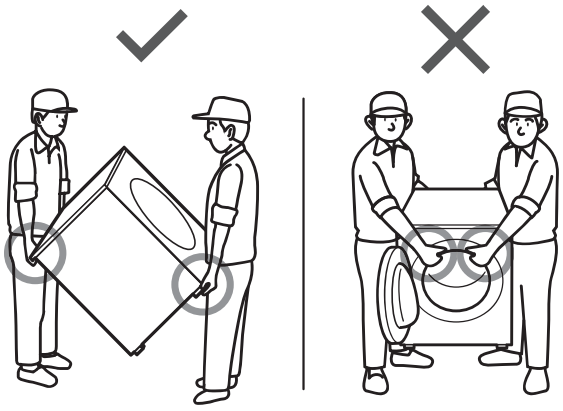

Lắp tấm đáy

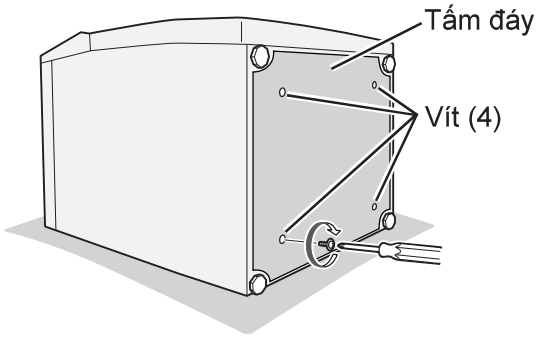

Che lỗ phích cắm

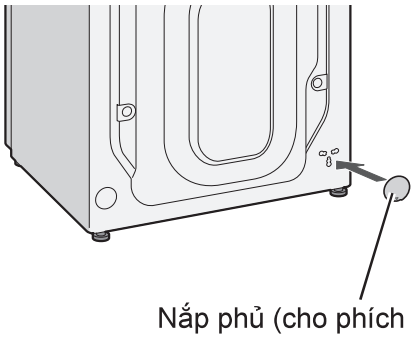

Di chuyển và Lắp đặt (tiếp)

Tháo các bu lông neo bệ máy

1

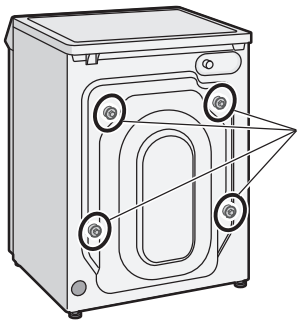

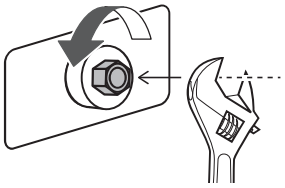

2

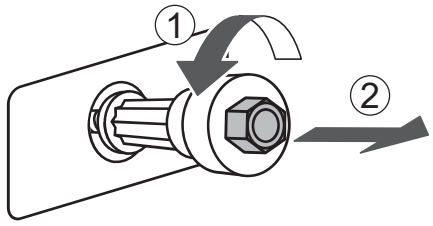

3

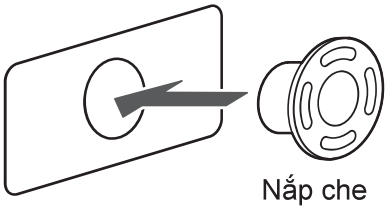

LƯU Ý

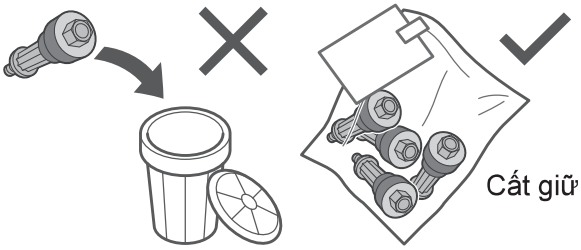

■ Di chuyển thiết bị một lần nữa

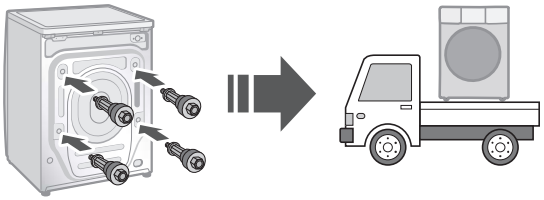

Cân bằng thiết bị

1 **Ấn vào các góc đối diện nhau ở phía trên để kiểm tra xem chân máy có bị rung lắc không**

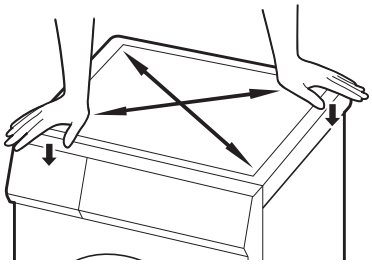

2

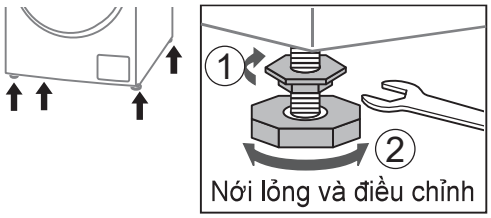

3

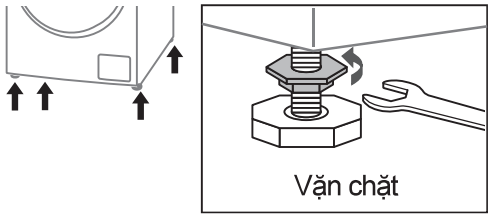

LƯU Ý

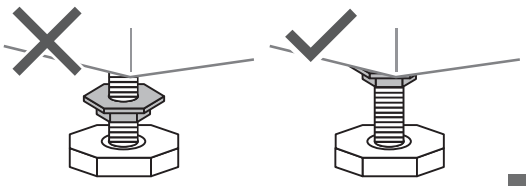

Nối đường ống

Nối đường ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

Kết nối bên phải

(cm)

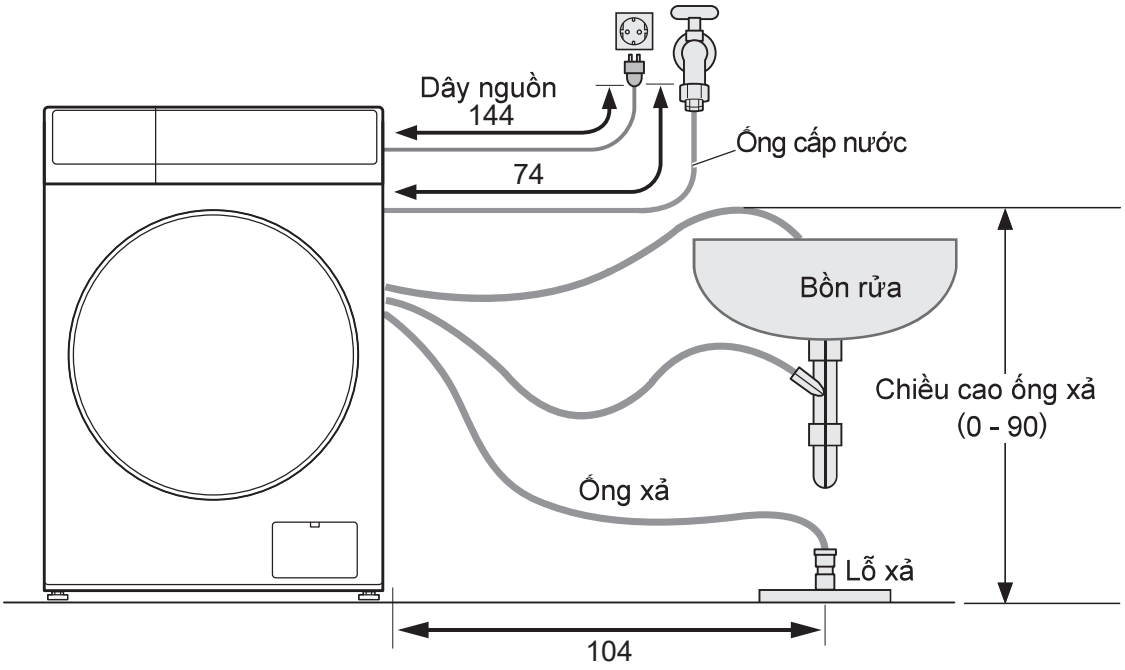

Kết nối bên trái

(cm)

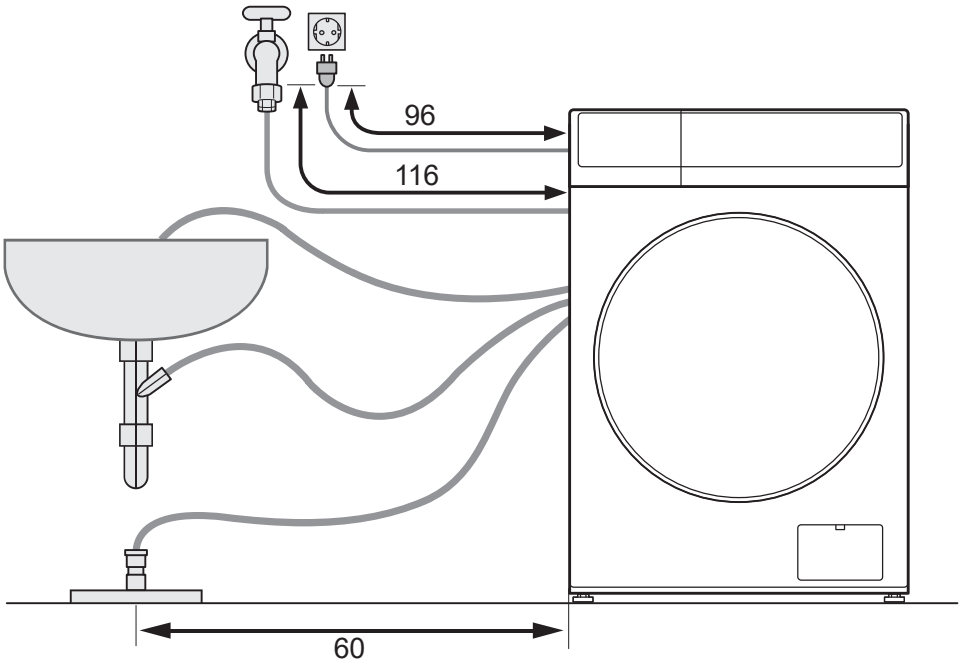

Nối đường ống (tiếp)

Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước

⚠ CHÚ Ý

- Vặn chặt đai ốc
- Không được xoắn, ép, điều chỉnh hoặc cắt ống

1

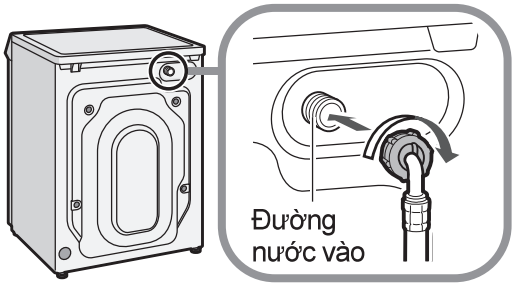

2

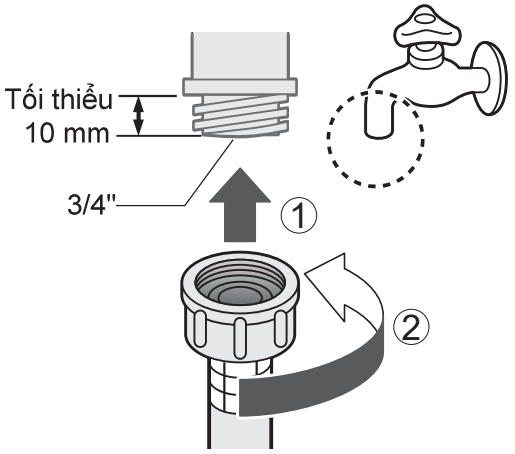

3

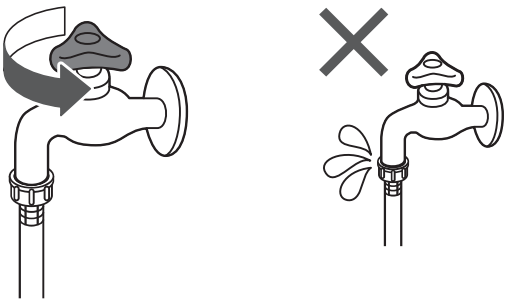

Ống xả

■ Thoát nước vào bồn rửa hoặc chậu rửa

LƯU Ý

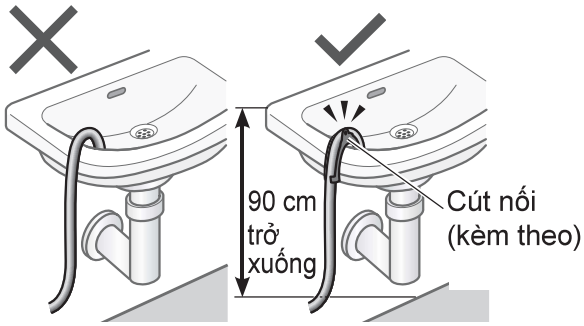

■ Thoát nước trực tiếp xuống sàn

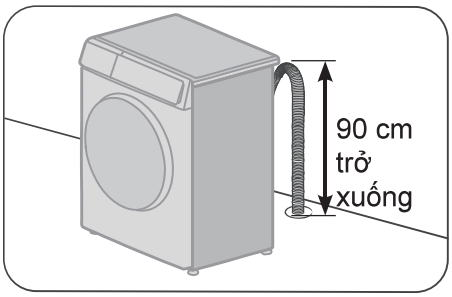

■ Thoát nước vào đường ống thoát nước của bồn rửa

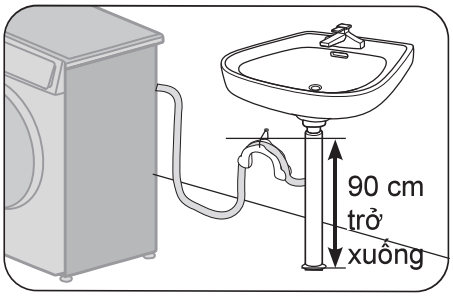

LƯU Ý

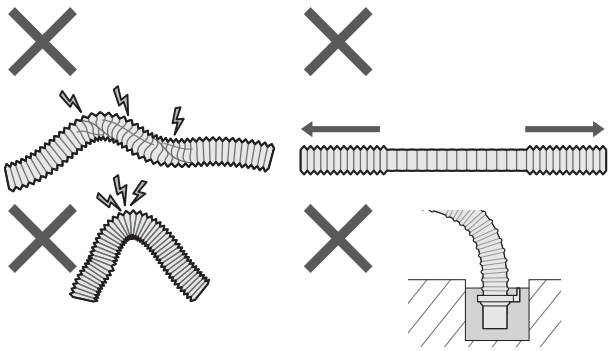

Chạy thử

1

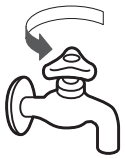

2

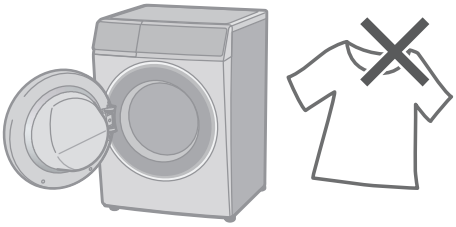

3



Bật

4 | < Chương trình > | Giặt Nhanh 15 phút



5



Khởi động

Kiểm tra sau khi chạy thử

Sự cố	Nguyên nhân và Biện pháp
Rò rỉ nước 	Nối ống cấp nước đúng cách 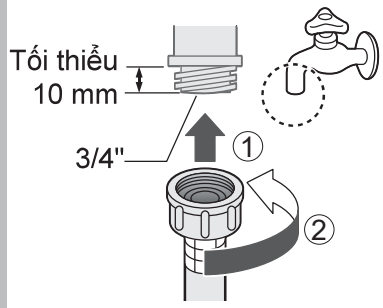
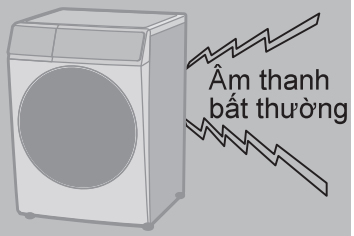	• Tháo các bu lông neo bệ máy (Tr. 36) 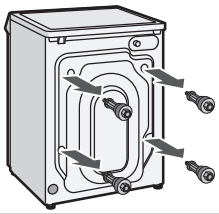 • Lắp đặt ổn định 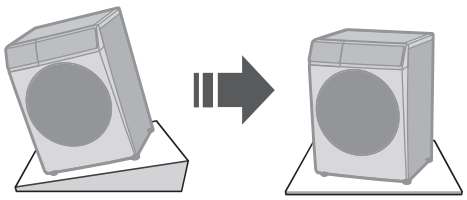
Hiển thị lỗi 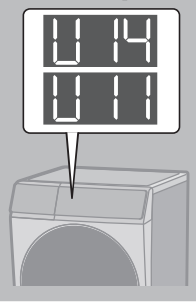	Xem Tr. 32.

Thông số kỹ thuật

■ Dành cho Việt Nam

	NA-164JF1
Điện áp định mức (V)	220 - 240
Tần số định mức (Hz)	50
Công suất định mức (W)	1300
Tốc độ vắt tối đa (v/phút)	1000
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)	598 × 515 × 850
Trọng lượng sản phẩm (kg)	54
Khối lượng quần áo khô tối đa (Giặt) (kg)	8,2
Áp suất nước máy (MPa)	0,03 - 0,8

Panasonic Corporation
https://www.panasonic.com
© Panasonic Corporation 2024
A0921-0
In tại Trung Quốc
10-2024